BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 58 /2021/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2021*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện quy định về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

Căn cứ Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng đất; phương án xử lý dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện; quản lý tài chính từ đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quân đội trong tổ chức thực hiện Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (sau đây viết gọn là Nghị định số 26/2021/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân (sau đây gọi là đơn vị).

2. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực tiếp làm nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh (sau đây gọi là doanh nghiệp quân đội).

3. Tổ chức, cá nhân được tiếp tục sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (sau đây viết gọn là Nghị quyết số 132/2020/QH14).

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

Đơn vị (trừ trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế bằng nguồn lực của đơn vị theo các trường hợp quy định tại Điều 4 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng đất.

Điều 4. Các trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, thuê đất hằng năm

1. Đơn vị tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết theo phương án xử lý được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (sau đây viết gọn là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo) sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo phương án sử dụng đất được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

3. Doanh nghiệp quân đội sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo phương án xử lý hoặc phương án sử dụng đất được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt; doanh nghiệp quân đội thuộc danh mục cổ phần hóa, thoái vốn được tiếp tục sử dụng đất quốc phòng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

4. Công ty cổ phần, vốn góp của Nhà nước do Bộ Quốc phòng cử Người đại diện, công ty cổ phần đang sử dụng đất quốc phòng theo hợp đồng thuê đất, hợp đồng sử dụng đất đã ký với Bộ Quốc phòng trước ngày có hiệu lực của Nghị quyết số 132/2020/QH14, tiếp tục nộp tiền sử dụng đất hằng năm theo hợp đồng đã ký và theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

Chương II

XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG KẾT HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ

Điều 5. Phương án sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

Việc xây dựng phương án sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm thực hiện như sau:

1. Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đầu mối thuộc quyền rà soát, xác định diện tích đất quốc phòng sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền sử dụng đất hằng

năm, lập hồ sơ phương án sử dụng đất theo quy định tại Điều 7 Thông tư này báo cáo về đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng để tổng hợp.

Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án sử dụng đất, báo cáo về Bộ Quốc phòng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án sử dụng đất, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng gửi phương án đã được phê duyệt về Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng để tổng hợp, theo dõi.

2. Trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng lập Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP cùng hồ sơ phương án sử dụng đất gửi Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng tổ chức thẩm định, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến.

Căn cứ kết quả thẩm định phương án và ý kiến của Bộ Tổng Tham mưu, Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định phê duyệt.

Điều 6. Phương án sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

Việc xây dựng phương án sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm được thực hiện như sau:

1. Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo thuộc quyền, doanh nghiệp quân đội được giao quản lý thực hiện rà soát, xác định diện tích đất quốc phòng sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, lập hồ sơ phương án sử dụng đất của từng điểm đất theo quy định tại Điều 7 Thông tư này để tổng hợp, báo cáo.

Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng lập Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP cùng hồ sơ từng phương án sử dụng đất gửi Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng tổ chức thẩm định.

Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng rà soát, xác định diện tích đất quốc phòng đang sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế tại các đơn vị trực thuộc, doanh nghiệp thành viên, lập hồ sơ phương án sử dụng đất của từng điểm đất theo quy định tại Điều 7 Thông tư này để tổng hợp, báo cáo.

Doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng lập Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP cùng hồ sơ phương án sử dụng đất gửi Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức thẩm định.

Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

3. Diện tích đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế để xác định tiền sử dụng đất hằng năm không bao gồm diện tích đất của các công trình phúc lợi, bãi thử vũ khí, trường bắn, thao trường huấn luyện, diện tích trồng rừng, diện tích vườn hoa và cây cảnh.

4. Doanh thu từ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh để xác định tiền sử dụng đất hằng năm bao gồm doanh thu từ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh do cấp có thẩm quyền đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp quân đội và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo thực hiện theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

2. Các hợp đồng sử dụng đất quốc phòng đã ký với doanh nghiệp quân đội trực tiếp làm nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh theo Thông tư số 06/2012/TT-BQP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc sử dụng đất quốc phòng tại doanh nghiệp quân đội, được thanh lý và thực hiện theo phương án sử dụng đất được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết số 132/2020/QH14, Nghị định số 26/2021/NĐ-CP và Thông tư này.

Chương III
PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ DỰ ÁN, HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH, LIÊN KẾT ĐÃ THỰC HIỆN

Điều 8. Phương án xử lý chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết

Việc xây dựng phương án xử lý chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết thực hiện như sau:

1. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền, doanh nghiệp quân đội được giao quản lý căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP thực hiện rà soát, xác định các dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết phải chấm dứt thực hiện để xây dựng kế hoạch và phương án xử lý chấm dứt, báo cáo.

2. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực tiếp thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan lập hồ sơ phương án xử lý chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết báo cáo đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng xem xét theo quy định.

3. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng rà soát, lập Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP cùng hồ sơ từng phương án xử lý chấm dứt gửi Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng để chủ trì tổ chức thẩm định.

Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt theo

Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

Điều 9. Phương án xử lý để tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết

Việc xây dựng phương án xử lý để tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết thực hiện như sau:

1. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đầu mối, doanh nghiệp thuộc quyền rà soát các dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện

a) Trường hợp dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP, các đơn vị, doanh nghiệp quân đội chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan lập hồ sơ phương án xử lý để tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết theo quy định;

b) Các dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện bao gồm cả dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã ký kết theo Thông tư số 35/2009/TT-BQP ngày 20/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, sử dụng đất quy hoạch cho mục đích quốc phòng chưa sử dụng ngay cho nhiệm vụ quốc phòng vào mục đích kinh tế (sau đây viết gọn là Thông tư số 35/2009/TT-BQP) các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện rà soát lại và lập phương án xử lý theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14, Nghị định số 26/2021/NĐ-CP và Thông tư này;

c) Trường hợp phương án đã được phê duyệt và hợp đồng liên doanh, liên kết đã ký kết theo Thông tư số 35/2009/TT-BQP, Thông tư số 55/2009/TT-BQP ngày 17/8/2009 của Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn thu từ việc khai thác sử dụng đất quốc phòng vào mục đích kinh tế, nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất có quy định về phân phối thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện thỏa thuận lại với các bên có liên quan, nhưng không thấp hơn nghĩa vụ tài chính đã cam kết tại phương án, hợp đồng đã ký.

2. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng rà soát và gửi văn bản kèm theo hồ sơ từng phương án quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất để xin ý kiến.

3. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng lập Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP cùng hồ sơ từng phương án và ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng để chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo.

Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án xử lý để tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết, đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực tiếp thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết và tổ chức, cá nhân có liên quan hoàn thiện các thủ tục pháp lý bảo đảm phù hợp với nội dung phương án được phê duyệt, cụ thể:

a) Trường hợp phương án xử lý để tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết được phê duyệt không thay đổi chủ thể của hợp đồng, các bên của hợp đồng thực hiện thỏa thuận lại các nội dung trong hợp đồng; nội dung thỏa thuận phải phù hợp với quy định của pháp luật và phương án được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt;

b) Trường hợp phương án xử lý để tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết được phê duyệt có thay đổi, bổ sung chủ thể tham gia hợp đồng theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14 thì các chủ thể thực hiện hợp đồng liên doanh, liên kết theo phương án được phê duyệt thực hiện thỏa thuận việc liên doanh, liên kết; nội dung thỏa thuận phải phù hợp với quy định của pháp luật và phương án được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án xử lý

1. Trường hợp xử lý chấm dứt thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết: Hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

2. Trường hợp tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết: Hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án đối với thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

Chương IV
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TỪ ĐẤT QUỐC PHÒNG KẾT HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ

Điều 11. Dự toán ngân sách nhà nước từ sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

1. Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành văn bản hướng dẫn việc xác định tiền sử dụng đất phải nộp của năm sau làm cơ sở để các đơn vị, doanh nghiệp quân đội xác định chi phí sản xuất, kinh doanh, giá thành sản phẩm, dịch vụ, báo cáo nhu cầu ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách nhà nước năm sau. Việc xác định số tiền sử dụng đất phải nộp thực hiện theo nguyên tắc:

a) Đối với doanh nghiệp quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo việc xác định tiền sử dụng đất phải nộp của năm sau được tạm tính theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP. Trong đó: Tỷ lệ % doanh thu ngoài nhiệm vụ quân sự, quốc phòng để tạm tính tiền sử dụng đất hằng năm được căn cứ theo tỷ lệ % doanh thu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán của năm trước liền kề;

b) Đối với đơn vị, doanh nghiệp quân đội được tiếp tục sử dụng đất để thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh liên kết và doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn đã ký hợp đồng thuê đất với Bộ Quốc phòng, việc xác định tiền sử dụng đất năm sau được tính theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP. Trong đó: Tỷ lệ % doanh thu ngoài nhiệm vụ quân sự quốc phòng được xác định là 100%;

c) Dự kiến thu tiền sử dụng đất năm sau được xác định trên cơ sở phương

án sử dụng đất, phương án xử lý được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết số 132/2020/QH14 và văn bản quy định chi tiết thi hành.

Trường hợp đến thời điểm lập dự kiến thu tiền sử dụng đất năm sau, nếu đơn vị, doanh nghiệp chưa được phê duyệt phương án sử dụng đất, phương án xử lý thì việc xác định tiền sử dụng đất để thu nộp ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở phương án, dự án, hợp đồng sử dụng đất, hợp đồng thuê đất, hợp đồng liên doanh, liên kết đã ký.

2. Cùng với thời điểm lập nhu cầu ngân sách nhà nước hằng năm, đơn vị, doanh nghiệp quân đội báo cáo các khoản thu và nhiệm vụ chi từ sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, tổng hợp vào nhu cầu ngân sách nhà nước năm sau đến cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng, gửi Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; riêng đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn đang sử dụng đất quốc phòng theo hợp đồng thuê đất đã ký với Bộ Quốc phòng, Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng dự kiến số tiền thu từ sử dụng đất năm sau gửi Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng để tổng hợp, báo cáo theo quy định. Nội dung báo cáo gồm:

a) Các khoản thu ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị quyết số 132/2020/QH14;

b) Nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP từ nguồn thu quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP và điểm b, điểm c khoản 6 Điều 5 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

3. Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng thẩm định các khoản thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước năm sau của các đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng và Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng (đối với doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn). Việc lập dự toán, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước năm sau thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng về công tác lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước trong Bộ Quốc phòng.

Điều 12. Nộp tiền sử dụng đất hằng năm đối với phương án sử dụng đất được phê duyệt

1. Căn cứ dự toán thu ngân sách đã được Bộ Quốc phòng giao trong dự toán ngân sách hằng năm, doanh nghiệp quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo nộp tiền sử dụng đất tạm tính hằng năm về tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước do Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng làm chủ tài khoản (sau đây viết gọn là tài khoản tạm giữ).

2. Tiền sử dụng đất tạm tính hằng năm, nộp mỗi năm 02 kỳ: Kỳ thứ nhất nộp 50% số tiền theo dự toán thu ngân sách nhà nước được giao trước ngày 31 tháng 5, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng nộp toàn bộ số tiền thu được vào ngân sách nước trước ngày 30 tháng 6; kỳ thứ hai nộp 50% số tiền còn lại trước ngày 31 tháng 10, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng nộp toàn bộ số tiền thu được còn lại vào ngân sách nước trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Kết thúc năm tài chính, căn cứ tỷ lệ % doanh thu ngoài nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, cơ quan tài chính cấp trên xác định chính thức số tiền sử dụng đất trong năm phải nộp trong thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm để doanh nghiệp quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo thực hiện.

Trường hợp, số tiền sử dụng đất hằng năm phải nộp lớn hơn số tiền sử dụng đất tạm tính đã nộp thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm, doanh nghiệp quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo nộp bổ sung số tiền nộp thiếu.

Trường hợp số tiền sử dụng đất hằng năm phải nộp nhỏ hơn số tiền sử dụng đất hằng năm doanh nghiệp quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo đã nộp thì được trừ số tiền nộp thừa vào số tiền phải nộp năm sau.

4. Trường hợp có sự điều chỉnh về thời hạn sử dụng đất theo phương án, hợp đồng đã ký hoặc có sự thay đổi diện tích sử dụng đất, thay đổi giá đất, tỷ lệ % đơn giá thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định của Bộ Quốc phòng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất, đơn vị, doanh nghiệp phải thông báo để Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì, điều chỉnh tiền sử dụng đất phải nộp báo cáo Bộ Quốc phòng phê duyệt.

Sau khi được Bộ Quốc phòng phê duyệt, Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng thông báo việc điều chỉnh tiền sử dụng đất gửi doanh nghiệp quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, gửi Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng. Việc xử lý số tiền sử dụng đất hằng năm phải nộp lớn hơn hoặc nhỏ hơn số tiền sử dụng đã nộp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp số tiền sử dụng đất trong năm phải nộp nhỏ hơn số tiền sử dụng đất đã nộp nhưng hết thời hạn sử dụng đất theo phương án, hợp đồng đã ký, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng hoàn trả số tiền nộp thừa từ tài khoản tạm giữ (nếu có).

5. Hết thời hạn thông báo nộp tiền quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, doanh nghiệp quân đội, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo không nộp hoặc nộp không đầy đủ tiền sử dụng đất hằng năm, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng xác định, thông báo và thu số tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp hoặc báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP.

Điều 13. Nộp tiền sử dụng đất hằng năm đối với dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện

1. Căn cứ dự toán thu ngân sách đã được Bộ Quốc phòng giao trong dự toán ngân sách hằng năm và phương án xử lý được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt (nếu có), đơn vị, doanh nghiệp quân đội sử dụng đất để thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh liên kết nộp tiền sử dụng đất về tài khoản tạm giữ.

2. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội nộp tiền sử dụng đất theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

3. Trường hợp có sự điều chỉnh về thời hạn sử dụng đất theo phương án, hợp đồng đã ký hoặc có sự thay đổi về diện tích sử dụng đất, giá đất, tỷ lệ % đơn giá theo quyết định của Bộ Quốc phòng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư này.

4. Hết thời hạn nộp tiền sử dụng đất, trường hợp đơn vị, doanh nghiệp quân đội không nộp hoặc nộp không đầy đủ tiền sử dụng đất, thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư này.

5. Trường hợp phương án đã được phê duyệt và hợp đồng liên doanh, liên kết đã ký kết theo Thông tư số 35/2009/TT-BQP, Thông tư số 55/2009/TT-BQP có quy định về phân phối thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất, đơn vị, doanh nghiệp phải thỏa thuận lại với các bên có liên quan, nhưng không thấp hơn nghĩa vụ tài chính đã cam kết tại phương án, hợp đồng đã ký.

Điều 14. Xác định và nộp tiền sử dụng đất hằng năm tại doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn đã ký hợp đồng thuê đất với Bộ Quốc phòng

1. Hằng năm, Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, Cục Kế hoạch và Đầu tư/Bộ Quốc phòng, Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu, Cục Doanh trại/Tổng cục Hậu cần, Vụ Pháp chế/Bộ Quốc phòng xác định tiền sử dụng đất hằng năm theo hợp đồng thuê đất mà doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn đã ký với Bộ Quốc phòng.

2. Sau khi xác định số tiền sử dụng đất mà doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn phải nộp, Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt.

3. Căn cứ phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và dự toán thu ngân sách nhà nước về tiền sử dụng đất đã thông báo, Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng thông báo điều chỉnh số tiền sử dụng đất hằng năm để doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn nộp về tài khoản tạm giữ và gửi Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng để theo dõi.

4. Trường hợp hết thời hạn sử dụng đất theo hợp đồng đã ký hoặc có sự thay đổi về diện tích sử dụng đất, giá đất, tỷ lệ % đơn giá của Bộ Quốc phòng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất, thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư này.

5. Hết thời hạn nộp tiền sử dụng đất, trường hợp doanh nghiệp không nộp hoặc nộp không đầy đủ thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư này.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

Điều 15. Bộ Tổng Tham mưu

1. Chủ trì, tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý sử dụng đất quốc phòng theo quy định của pháp luật.

2. Cho ý kiến đối với báo cáo thẩm định của Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng về phương án sử dụng đất, phương án xử lý, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn.

3. Chỉ đạo Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu thực hiện:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng tham mưu với Bộ Tổng Tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng đất quốc phòng theo quy định của pháp luật;

b) Nghiên cứu, đề xuất Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến đối với báo cáo thẩm định của Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng về phương án sử dụng đất tại các đơn vị, doanh nghiệp quân đội và các tổ chức có liên quan; phương án xử lý các dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết; phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn;

c) Phối hợp với Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng, các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định các phương án sử dụng đất; phương án xử lý; phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của đơn vị, doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn; xác định tiền sử dụng đất hằng năm tại các doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn theo hợp đồng đã ký với Bộ Quốc phòng; tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14;

d) Phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng tham mưu, giúp Thủ trưởng Bộ Quốc phòng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn; bán đấu giá quyền sử dụng đất quốc phòng đã chuyển mục đích sử dụng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

đ) Phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đơn vị, doanh nghiệp quân đội thực hiện việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Điều 16. Tổng cục Chính trị

Chỉ đạo cơ quan chức năng tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục trong toàn quân chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng trong việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của Quân đội; giải quyết chế độ chính sách đối với người lao động, thực hiện chính sách hậu phương quân đội và các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa.

Điều 17. Tổng cục Hậu cần

1. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phối hợp với Bộ Tổng Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng đất quốc phòng theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo Cục Doanh trại/Tổng cục Hậu cần thực hiện:

a) Tham mưu với Tổng cục Hậu cần thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, quy định của pháp luật về đất đai, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

b) Phối hợp với Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng thẩm định các phương án sử dụng đất; phương án xử lý; phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn của đơn vị, doanh nghiệp quân đội; xác định tiền sử dụng đất hằng năm tại các doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn theo hợp đồng

đã ký với Bộ Quốc phòng; tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14;

c) Phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng tham mưu giúp Thủ trưởng Bộ Quốc phòng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn; bán đấu giá quyền sử dụng đất quốc phòng đã chuyển mục đích sử dụng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

d) Phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đơn vị, doanh nghiệp quân đội thực hiện việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Điều 18. Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng tham mưu, đề xuất xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng thẩm định, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu cho ý kiến và trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định:

a) Phê duyệt phương án sử dụng đất cho các đơn vị, doanh nghiệp quân đội và các tổ chức có liên quan;

b) Phê duyệt phương án xử lý các dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện.

3. Chủ trì thực hiện hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện phương án sử dụng đất, phương án xử lý dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng làm việc với đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng để thống nhất các nội dung, giải pháp trong phương án xử lý dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện.

5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng tổ chức kiểm tra, rà soát việc xác định và thu, nộp tiền sử dụng đất hằng năm theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư này; xác định tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 14 Thông tư này và khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, đơn vị, doanh nghiệp quân đội làm việc với cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các bộ, ngành liên quan để hoàn thiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất quốc phòng tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn, xin ý kiến Bộ Tổng Tham mưu, báo cáo Bộ Quốc phòng lấy ý kiến Bộ Tài chính trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

7. Chủ trì tổng hợp, đăng ký thống kê, phân tích, đánh giá, xây dựng và quản lý, điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế trong toàn quân; hướng dẫn đơn vị, doanh nghiệp hoàn chỉnh thủ tục pháp lý khi sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt

động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

8. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế tại các đơn vị, doanh nghiệp quân đội, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

9. Chủ trì tham mưu, đề xuất, thực hiện, báo cáo:

a) Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thành lập Tổ công tác của Bộ Quốc phòng để đôn đốc, giám sát và hướng dẫn hoàn thiện các phương án sử dụng đất, phương án xử lý dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết, tính tiền sử dụng đất được quy định tại Thông tư này;

b) Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, chủ trì, phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, Cục Kế hoạch và Đầu tư/Bộ Quốc phòng, Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu, Cục Doanh trại/Tổng cục Hậu cần, Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng và các đơn vị, doanh nghiệp quân đội, doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn đang sử dụng đất quốc phòng và tổ chức, cá nhân có liên quan hoàn thành việc xác định tiền sử dụng đất tại các dự án, hợp đồng thuê đất, hợp đồng liên doanh, liên kết đã ký kết trước ngày Nghị quyết số 132/2020/QH14 có hiệu lực thi hành nhưng chưa thu tiền sử dụng đất;

c) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, chủ trì, phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, Cục Kế hoạch và Đầu tư/Bộ Quốc phòng; Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu; Cục Doanh trại/Tổng cục Hậu cần, Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng và các đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng hoàn thành việc lập phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế trong toàn quân báo cáo Bộ Tổng Tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt; hoàn thành phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

d) Trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan hoàn thành các phương án xử lý đất quốc phòng tại các dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết báo cáo Bộ Tổng Tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt.

10. Phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng tham mưu giúp Thủ trưởng Bộ Quốc phòng trong việc phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn; bán đấu giá quyền sử dụng đất quốc phòng đã chuyển mục đích sử dụng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 19. Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu cho Bộ Quốc phòng hướng dẫn đơn vị, doanh nghiệp lập nhu cầu và dự toán ngân sách nhà

nước đối với các khoản thu, nhiệm vụ chi và đôn đốc các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện thu, nộp tiền theo quy định tại Nghị quyết số 132/2020/QH14 và văn bản quy định chi tiết thi hành.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng tham mưu giúp Thủ trưởng Bộ Quốc phòng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn; bán đấu giá quyền sử dụng đất quốc phòng đã chuyển mục đích sử dụng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quyết định việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 132/2020/QH14 khi sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

4. Thông báo cho đơn vị, doanh nghiệp quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước do Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng làm chủ tài khoản để nộp hoặc chuyển đến các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện nộp tiền.

5. Tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng báo cáo dự toán thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước từ các khoản thu, nộp quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP và điểm b, điểm c khoản 6 Điều 5 Nghị quyết số 132/2020/QH14 gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo và đề xuất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng việc thực hiện nghĩa vụ thu, nộp tiền của các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

7. Phối hợp với Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng thẩm định các phương án sử dụng đất, phương án xử lý, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn của đơn vị, doanh nghiệp quân đội; xác định tiền sử dụng đất hằng năm tại các doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn theo hợp đồng đã ký với Bộ Quốc phòng; tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

8. Phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Điều 20. Cục Kế hoạch và Đầu tư/Bộ Quốc phòng

1. Phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng tham mưu giúp Thủ trưởng Bộ Quốc phòng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa,

thoái vốn; bán đấu giá quyền sử dụng đất quốc phòng đã chuyển mục đích sử dụng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Phối hợp với Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng thẩm định các phương án sử dụng đất, phương án xử lý, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của đơn vị, doanh nghiệp quân đội thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn; xác định tiền sử dụng đất hằng năm tại các doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn theo hợp đồng đã ký với Bộ Quốc phòng; tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

3. Phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Điều 21. Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng

1. Tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về tính pháp lý của các phương án sử dụng đất tại các đơn vị, doanh nghiệp quân đội và các tổ chức có liên quan; phương án xử lý các dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết; phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn.

2. Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định pháp lý nội dung thỏa thuận trước khi các bên ký kết hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng liên doanh, liên kết đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phương án sử dụng đất, phương án xử lý đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

3. Phối hợp với Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng tham mưu, đề xuất với Bộ Quốc phòng về xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hệ thống cơ sở pháp lý trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế; thẩm định các phương án sử dụng đất, phương án xử lý, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn của đơn vị, doanh nghiệp quân đội; xác định tiền sử dụng đất hằng năm tại các doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn theo hợp đồng đã ký với Bộ Quốc phòng; tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

4. Phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng tham mưu giúp Thủ trưởng Bộ Quốc phòng trong việc phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn; bán đấu giá quyền sử dụng đất quốc phòng đã chuyển mục đích sử dụng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

6. Tham mưu, đề xuất với Bộ Quốc phòng chỉ đạo giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

7. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức pháp chế, cán bộ pháp chế các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phối hợp tham mưu, đề xuất người chỉ huy trong việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Điều 22. Thanh tra Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch thanh tra định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, xem xét giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Điều 23. Trách nhiệm của đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng

Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng thành viên doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng chỉ đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc quyền, doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa, thoái vốn (nếu có) thực hiện các nội dung sau:

1. Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, hoàn thành việc rà soát hiện trạng, phân loại, thống kê chi tiết các nội dung, hình thức, vị trí, diện tích đất quốc phòng đang sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế lập phương án sử dụng đất, phương án xử lý, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn (nếu có).

2. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, hoàn thành việc rà soát, lập phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

3. Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, hoàn thành việc rà soát, lập phương án xử lý các dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

4. Cung cấp, bổ sung, hoàn thiện, cập nhật số liệu vào phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu để quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế trong toàn quân.

5. Phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng tham mưu giúp Thủ trưởng Bộ Quốc phòng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn; bán đấu giá quyền sử dụng đất quốc phòng đã chuyển mục đích sử dụng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Gửi hồ sơ về thỏa thuận của các bên, hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng liên doanh, liên kết sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế về Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng để thẩm định pháp lý trước khi ký kết.

7. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án sử dụng đất, phương án xử lý, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn (nếu có) theo quyết định của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

8. Định kỳ 06 tháng (trước 15 tháng 6) và hằng năm (trước 15 tháng 12) hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế về Bộ Quốc phòng (qua Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng).

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2021.

2. Thông tư số 35/2009/TT-BQP ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, sử dụng đất quy hoạch cho mục đích quốc phòng chưa sử dụng ngay cho nhiệm vụ quốc phòng vào mục đích kinh tế; Thông tư số 55/2009/TT-BQP ngày 17 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn thu từ việc khai thác sử dụng đất quốc phòng vào mục đích kinh tế, nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất; Thông tư số 06/2012/TT-BQP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc sử dụng đất quốc phòng tại doanh nghiệp quân đội hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp báo cáo việc thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trung tướng Vũ Hải Sản

Phụ lục I

DANH SÁCH THỦ TRƯỞNG VÀ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP

(Kèm theo Thông tư số 58/2021/TT-BQP ngày 07 tháng 6 năm 2021 của BQP)

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP	Ghi chú
1	Thủ trưởng Bộ Quốc phòng	07
2	Bộ Tổng Tham mưu	
3	Tổng cục Chính trị	
4	Tổng cục Hậu cần	
5	Tổng cục Kỹ thuật	
6	Tổng cục 2	
7	Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	
8	Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân	
9	Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân	
10	Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng	
11	Bộ Tư lệnh Binh chủng Thông tin liên lạc	
12	Bộ Tư lệnh Binh chủng Công binh	
13	Bộ Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp	
14	Bộ Tư lệnh Binh chủng Pháo binh	
15	Bộ Tư lệnh Binh chủng Đặc công	
16	Bộ Tư lệnh Binh chủng Hóa học	
17	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	
18	Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển	
19	Bộ Tư lệnh 86	
20	Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	
21	Bộ Tư lệnh Quân khu 1	
22	Bộ Tư lệnh Quân khu 2	
23	Bộ Tư lệnh Quân khu 3	
24	Bộ Tư lệnh Quân khu 4	
25	Bộ Tư lệnh Quân khu 5	

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP	Ghi chú
26	Bộ Tư lệnh Quân khu 7	
27	Bộ Tư lệnh Quân khu 9	
28	Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1	
29	Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2	
30	Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3	
31	Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4	
32	Học viện Quốc phòng	
33	Học viện Chính trị	
34	Học viện Kỹ thuật Quân sự	
35	Học viện Hậu cần	
36	Học viện Quân y	
37	Học viên Lục quân	
38	Trường Sỹ quan Lục quân 1	
39	Trường Sỹ quan Lục quân 2	
40	Trường Sĩ quan Chính trị	
41	Bệnh viện Quân y 175	
42	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	
43	Viện Y học Cổ truyền Quân đội	
44	Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga	
45	Viện Kiểm sát Quân sự Trung ương	
46	Tòa án Quân sự Trung ương	
47	Ủy ban kiểm tra Quân ủy Trung ương	
48	Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam	
49	Văn phòng Bộ Quốc phòng	
50	Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng	
51	Cục Kế hoạch và Đầu tư/Bộ Quốc phòng	
52	Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng	

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP	Ghi chú
53	Cục Tác chiến/BTTM	
54	Văn phòng BTTM	
55	Cục Doanh trại/TCHC	
56	Cục Tổ chức/TCCT	
57	Vụ Pháp chế/BQP	
58	Thanh tra/BQP	
59	Cục Điều tra Hình sự/BQP	
60	Cục Khoa học Quân sự/BQP	
61	Cục Thi hành án/BQP	
62	Cục Đối ngoại/BQP	
63	Cục Gìn giữ hòa bình/BQP	
64	Ban Cơ yếu Chính phủ	
65	Viện Chiến lược/BQP	
66	Viện Khoa học công nghệ Quân sự/BQP	
67	Cục Cơ yếu/BTTM	
68	Cục Hậu cần/BTTM	
69	Cục Tuyên huấn/TCCT	
70	Cục Bảo vệ an ninh Quân đội/TCCT	
71	Ban MIA/BQP	
72	Bộ Tư lệnh Binh đoàn 11	
73	Bộ Tư lệnh Binh đoàn 12	
74	Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15	
75	Bộ Tư lệnh Binh đoàn 16	
76	Bộ Tư lệnh Binh đoàn 18	
77	Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội (Viettel)	
78	Tổng Công ty Đông Bắc	
79	Viện Thiết kế/BQP	

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP	Ghi chú
80	Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội/TCT Vaxuco	
81	Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Vạn Xuân (VAXUCO)	
82	Tổng Công ty Thái Sơn	
83	Công ty TNHH MTV Ứng dụng kỹ thuật và Sản xuất (Tecapro)	
84	Tổng Công ty 319	
85	Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	
86	TCT 789/BĐ11	Số 147 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
87	TCT Đầu tư phát triển Nhà & Đô thị BQP	

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP TRỰC THUỘC ĐẦU MỐI
(Kèm theo Thông tư số 58/2021/TT-BQP ngày 07 tháng 6 năm 2021 của BQP)

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
	Bộ Tổng tham mưu (04)	
1	Công ty TNHH MTV 59	Số 9 Định Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TPHCM
2	Công ty TNHH MTV DV đối ngoại	33 Phạm Ngũ Lão, P.Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, HN
3	Công ty TNHH MTV 207	Số 75 Phố Lê Hồng Phong, P. Điện Biên, Q. Ba Đình, HN
4	Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ	Số 02/198 Trần Cung, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, HN
	Tổng cục Chính trị (03)	
5	Công ty TNHH MTV In Quân đội 1	Số 21 Lý Nam Đế, P Hàng Mã, Q. Hoàn Kiếm, HN
6	Công ty TNHH MTV In Quân đội 2	65 Hồ Văn Huê, P.9, Q. Phú Nhuận, TPHCM
7	Công ty TNHH MTV Hacota	Tầng 7 tòa nhà 161-163 Trần Quốc Thảo, P.9,Q.3, TPHCM
	Tổng cục Hậu cần (01)	
8	Tổng công ty 28	Số 3 Nguyễn Oanh, Q. Gò Vấp, TPHCM
	Tổng cục Kỹ thuật (06)	
9	Công ty TNHH MTV Cơ khí điện cơ 151 (Z151)	Số 04 đường Xuân Khạnh, P. Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, HN
10	Công ty TNHH MTV 133 (Z133)	Tổ 32 đường Ngọc Thụy, P. Ngọc Thụy, Q. Long Biên, HN
11	Công ty TNHH MTV 153 Chiến Thắng (Z153)	Khối 5 Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, HN
12	Công ty TNHH MTV 751 (Z751)	Số 14 đường số 14, KCN Long Bình, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
13	Công ty TNHH MTV ứng dụng công nghệ cao Z45 (Hitaco)	Khu đô thị mới Định Công, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, HN
14	Công ty TNHH MTV Đầu tư Du lịch và vận tải biển Phương Nam	157 Võ Thị Sáu, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TPHCM
	Tổng cục CNQP (21)	
15	Công ty TNHH MTV Cơ khí	284 đường Bà Triệu, P. Đông Thọ, TP.

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
	chính xác 11 (Z111)	Thanh Hóa
16	Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất 13 (Z113)	Tổ 22 P. Đội Cấn, TP. Tuyên Quang
17	Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất 14 (Z114)	Tổ 1, KP7, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
18	Công ty TNHH MTV Điện cơ hóa chất 15 (Z115)	Xã Quyết Thắng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
19	Công ty TNHH MTV Cơ khí 17 (Z117)	Đường 16,thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, Sóc Sơn, HN
20	Công ty TNHH MTV Hóa chất 21 (Z121)	Xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
21	Công ty TNHH MTV Cơ khí 25 (Z125)	Khu hành chính 2, xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, HN
22	Công ty TNHH MTV 27 (Z127)	Đường Dương Tự Minh, P. Quan Triều, TP. Thái Nguyên
23	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác 29 (Z129)	Thôn Phú Bình, xã Đội Bình, Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang
24	Công ty TNHH MTV Cơ điện và VLN 31 (Z131)	TDP Đại Cát, P. Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên
25	Công ty TNHH MTV 43 (Z143)	Thôn Liên Minh, xã Thụy An, huyện Ba Vì, HN
26	Công ty TNHH MTV cao su 75 (Z175)	Xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, HN
27	Công ty TNHH MTV 76 (Z176)	DDT, Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội
28	Công ty TNHH MTV Điện tử Sao Mai (Z181)	27 Hoàng Sâm, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, HN
29	Công ty TNHH MTV Cơ khí 83 (Z183)	Thôn 8 Minh Quán, Huyện Trấn Yên, Yên Bái
30	Công ty TNHH MTV 95	Xã Hợp Châu, Huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc
31	Công ty TNHH MTV Quang điện điện tử (Z199)	Tổ 2, Phú Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, HN
32	Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà (Z173)	Km17+300 quốc lộ, Xã Lê Thiện, huyện An Dương, TP. Hải Phòng
33	Công ty TNHH MTV 189	KCN Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Hải Phòng

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
34	Tổng công ty Sông Thu	96 Yết Kiêu, Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng
35	Tổng công ty Ba Son	Số 2 Tôn Đức Thắng, Q.1, TPHCM
36	Tổng công ty Gaet	Số 102 Kim Mã Thượng, P. Cống Vị, Q. Ba Đình, HN
	Quân khu 2 (02)	
37	Công ty TNHH MTV Tây Bắc	Khu 1A, P. Vân Phú, TP. Việt Trì, Phú Thọ
38	Công ty TNHH MTV hợp tác Quốc tế 705	TK 13 - Huyện Mộc Châu - Sơn La
	Quân khu 4 (01)	
39	TCT Hợp tác kinh tế	Số 187 Lê Duẩn - Thành phố Vinh - Nghệ An
	Quân khu 5 (02)	
40	Công ty TNHH MTV XDVT cà phê 15	Cư DliêM'nông - Cư M'gar - Đăk Lăk
41	Công ty TNHH MTV Hữu nghị Nam Lào (206)	38A Nguyễn Hữu Thọ, quận Hải châu, Tp Đà Nẵng
	Quân khu 7 (02)	
42	Công ty TNHH MTV Đông Hải	Số 1 Hoàng Diệu, Phường 10, Quận Phú Nhuận - TP.Hồ Chí Minh
43	Công ty TNHH MTV SX-TM-XNK Tây Nam	253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình,Tp. Hồ Chí Minh
	Quân khu 9 (01)	
44	Công ty TNHH MTV 622	Đường Lê Hồng Phong, P. Trà An, Q. Bình Thủy, TP Cần Thơ
	Quân chủng PK-KQ	
45	Công ty TNHH MTV cơ điện điện tử 31 (A31)	Tân Hội, Xã Trần Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội
46	Công ty TNHH MTV SC máy bay & DVKT HK 32 (A32)	Sân bay Đà Nẵng, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
47	Công ty TNHH MTV điện cơ khí áp lực 34 (A34)	Thị trấn Cầu Diễn, Thị trấn Cầu Diễn, Huyện Từ Liêm, Hà Nội
48	Công ty TNHH MTV sửa chữa máy bay 41 (A41)	6 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
49	Công ty TNHH MTV sửa chữa	Cổng 1 Sân Bay Biên Hòa, TP.Biên Hòa,

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
	máy bay 42 (A42)	Đồng Nai, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
50	Công ty TNHH MTV thiết bị điện tử 45 (A45)	Phố Tư Đình, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
51	Công ty TNHH MTV điện cơ 19 (Z119)	Tiên Trượng, Thị Trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội
52	Công ty TNHH MTV TK&TV XDCT HK ADCC	180 Trường Chinh, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội
53	TCT XD công trình HK ACC	178 Trường Chinh, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội
	Quân chủng hải quân	
54	Công ty TNHH MTV DV&DL Biển đảo Hải Thành	Số 27C Điện Biên Phủ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
55	Công ty TNHH MTV đóng và SC tàu Hải Long (X46)	Số 108 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
56	Công ty TNHH MTV Hải Bình (X55)	Số 36 đường Lê Hồng Phong, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
57	Công ty TNHH MTV Hải Khánh (Z753)	Đường 2/4, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
	Binh chủng Thông tin (01)	
58	Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử (Z755)	2A Phan Văn Trị, P. 10, Q. Gò Vấp,Tp. Hồ Chí Minh
	Binh chủng Công binh (02)	
59	Công ty TNHH MTV 49	Đường Sa Đôi, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
60	Công ty TNHH MTV 756 (Z756)	Số 6 đường số 1, KCN Quốc Phòng Long Bình, P.Long Bình, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
	Bộ tư lệnh Biên phòng (01)	
61	Công ty TNHH MTV đóng tàu Sơn Hải (X6)	An Hồng, An Dương, Hải Phòng
	Ban cơ yếu chính phủ (01)	
62	Công ty TNHH MTV 129	Số 51 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Phụ lục III

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐANG SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG

(Kèm theo Thông tư số 58/2021/TT-BQP ngày 07 tháng 6 năm 2021 của BQP)

TT	TÊN DOANH NGHIỆP	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ ĐẤT	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ DN
1	CTCP - Tổng công ty 36	BQP	141 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội
2	CTCP Ngân hàng Quân đội		18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
3	CTCP Trường An	BTTM	33 Phạm Ngũ Lão, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4	CTCP Long Biên		Số 1 ngõ 44/58/34 Đức Giang, P. Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN
5	CTCP 22	TCHC	Số 763 Nguyễn Văn Linh, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
6	CTCP 26		Đường Hội Xá, Tổ 5, P. Phúc Lợi, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
7	CTCP 32		Số 170 Quang Trung, Phường 10, Gò Vấp, TPHCM
8	CTCP X20		Số 35 Phan Đình Giót, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
9	CTCP Armephaco		Số 118 Vũ Xuân Thiều, Phúc Lợi, Long Biên, Hà nội
10	CTCP Nicotex		Số 114 Vũ Xuân Thiều, Phúc Lợi, Long Biên, Hà nội
11	CTCP ĐT & XLTây Hồ	TCCNQP	Số 73 Cộng Hòa, P.4, Q. Tân Bình, TPHCM
12	CTCP Thanh Bình HCM		Số 2 Phổ Quang, P.2, Q. Tân Bình, TP.HCM
13	CTCP Xi măng X18		Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình
14	CTCP 389	QK3	Số 232 Lê Duẩn, Kiến An, Hải Phòng
15	CTCP Tổng công ty Duyên Hải		Số 16B Nguyễn Thái Học, Yết Kiêu, Hà Đông, HN
16	CTCP 3/2		Số 35 phố Chùa Thông, P. Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, Hà Nội
17	CTCP XDVT Hùng Vương	QK5	Số 16B Phan Văn Trị, P.7, Q. Gò Vấp, TPHCM

TT	TÊN DOANH NGHIỆP	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ ĐẤT	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ DN
18	CTCP XD và ĐT Vạn Tường		Số 174 Lê Đình Lý, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, Đà Nẵng
19	CTCP Phú Tài		Số 278 Nguyễn Thị Định, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
20	CTCP May 19	QC PKKQ	311 Trường Chinh, Khương Mai, Thanh Xuân, HN
21	CTCP Elinco	Viện KH&CNQS	Số 19 Hoàng Sâm, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, HN
22	CTCP Tập đoàn Hà Đô		Số 8 Láng Hạ, Phường Thành Công, Q.Ba Đình, Hà Nội
23	CTCP Trường Thành	BTL BĐBP	Số 36 Cầu Diễn, Phúc Diễn, Từ Liêm, Hà Nội
24	CTCP Hương Giang	QĐ 2	Số 28, ngõ 66 phố Tân Mai, P. Tân Mai, Q. Hoàng Mai, Hà Nội.
25	CTCP Lam Sơn	QĐ 3	Số 185 Lê Duẩn, Thắng Lợi, Pleiku, Gia Lai
26	CTCP An Bình	QĐ 4	Số 524/66 Trần Quốc Toản, KP2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai